

Tổng hợp kiến thức về Lít - Toán Lớp 2

Chào các em học sinh! Hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu về một đơn vị đo rất quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày, đó là **Lít**. Chúng ta sẽ khám phá xem lít là gì, dùng để làm gì và làm các bài toán liên quan nhé!

Phần 1: Lý thuyết cần nhớ

1. Lít là gì?

Khi mẹ đi chợ mua dầu ăn, nước mắm hay khi bố đổ xăng cho xe máy, chúng ta thường nghe đến từ "lít". Vậy lít là gì?

- **Định nghĩa:** Lít là một đơn vị dùng để đo dung tích (sức chứa) của một vật, thường là chất lỏng như nước, sữa, xăng, dầu...
- **Kí hiệu:** Lít được viết tắt là **l**.

Ví dụ: Hộp sữa mẹ mua có ghi 1 l, nghĩa là hộp sữa đó chứa được một lít sữa.

2. Cách đọc và viết

Việc đọc và viết đơn vị lít rất đơn giản. Chúng ta đọc phần số trước, sau đó đọc tên đơn vị "lít".

- **1 l** đọc là: một lít.
- **5 l** đọc là: năm lít.
- **10 l** đọc là: mười lít.

- **22 l** đọc là: hai mươi hai lít.

Khi viết, ta viết số trước rồi viết kí hiệu "l" ngay sau số đó.

- Mười lăm lít viết là: **15 l**.
- Ba mươi lít viết là: **30 l**.

3. Ước lượng và nhận biết dung tích

Trong cuộc sống, có rất nhiều vật dụng có dung tích khác nhau. Chúng ta hãy cùng tìm hiểu cách ước lượng xem vật nào chứa được 1 lít, vật nào chứa nhiều hơn hoặc ít hơn 1 lít nhé.

a. Các vật thường chứa khoảng 1 lít

Đây là những vật có kích thước vừa phải, thường gặp hàng ngày.

- Hộp sữa tươi 1 lít.
- Chai nước suối loại vừa.
- Hộp dầu ăn loại nhỏ.
- Ca đựng nước cỡ trung bình.

b. Các vật chứa nhiều hơn 1 lít

Đây là những vật có kích thước lớn, có thể chứa được rất nhiều nước hoặc chất lỏng.

- Bình nước lọc 20 lít.
- Thùng sơn.
- Bể cá nhỏ.

- Xô/Chậu đựng nước.
- Bình xăng xe máy, ô tô.

c. Các vật chứa ít hơn 1 lít

Đây là những vật dụng nhỏ, chỉ chứa được một lượng chất lỏng không nhiều.

- Cốc uống nước.
- Chai nước ngọt cá nhân (khoảng 330 ml).
- Hộp sữa chua uống.
- Lọ thuốc nhỏ mắt.
- Bát ăn cơm.

Bảng so sánh dung tích các vật dụng

Ít hơn 1 lít	Bằng 1 lít	Nhiều hơn 1 lít
Cốc nước, hộp sữa nhỏ, chén trà.	Hộp sữa tươi giấy, chai dầu ăn nhỏ.	Xô nước, bình nước lọc, bể bơi.
Lọ siro ho, chai dầu gió.	Ca nước cỡ vừa.	Thùng đựng gạo, bồn nước.

Phần 2: Các dạng bài tập thường gặp

Dạng 1: Đọc, viết số đo dung tích

Đây là dạng bài tập cơ bản giúp các em làm quen với cách ghi và gọi tên đơn vị lít.

- **Ví dụ 1:** Đọc các số đo sau: 3 l, 11 l, 45 l.

Trả lời:

3 l đọc là: ba lít.

11 l đọc là: mười một lít.

45 l đọc là: bốn mươi lăm lít.

- **Ví dụ 2:** Viết các số đo sau: bảy lít, hai mươi lít, năm mươi ba lít.

Trả lời:

Bảy lít viết là: 7 l.

Hai mươi lít viết là: 20 l.

Năm mươi ba lít viết là: 53 l.

Dạng 2: So sánh các số đo dung tích

Để so sánh hai số đo dung tích có cùng đơn vị là lít, chúng ta chỉ cần so sánh hai phần số với nhau.

Phương pháp:

1. So sánh phần số của các đại lượng.
2. Số nào lớn hơn thì đại lượng đó lớn hơn.
3. Sử dụng các dấu: Lớn hơn ($>$), Bé hơn ($<$), Bằng ($=$).

- **Ví dụ 1:** So sánh 9 l và 12 l.

Phân tích: Ta so sánh hai số 9 và 12. Vì 9 < 12 nên 9 l < 12 l.

- **Ví dụ 2:** Điền dấu $>$, $,$, $=$ vào chỗ trống: $25 \text{ l} \dots 21 \text{ l}$.

Phân tích: Ta so sánh hai số 25 và 21. Vì $25 > 21$ nên $25 \text{ l} > 21 \text{ l}$.

- **Ví dụ 3:** So sánh $17 \text{ l} + 3 \text{ l}$ và 20 l .

Phân tích: Ta cần tính kết quả của vế trái trước. $17 \text{ l} + 3 \text{ l} = 20 \text{ l}$. Sau đó so sánh kết quả với vế phải. Vì $20 \text{ l} = 20 \text{ l}$ nên $17 \text{ l} + 3 \text{ l} = 20 \text{ l}$.

Dạng 3: Thực hiện phép tính cộng, trừ với đơn vị Lít

Khi thực hiện các phép tính cộng, trừ các số đo dung tích, ta thực hiện phép tính với các con số và giữ nguyên đơn vị "l" ở kết quả.

- **Công thức cộng:** $a \text{ l} + b \text{ l} = (a + b) \text{ l}$

- **Công thức trừ:** $a \text{ l} - b \text{ l} = (a - b) \text{ l}$

a. Phép cộng

- **Ví dụ 1:** Tính $15 \text{ l} + 4 \text{ l}$.

Cách làm: Ta lấy $15 + 4 = 19$. Vậy: $15 \text{ l} + 4 \text{ l} = 19 \text{ l}$.

- **Ví dụ 2:** Tính $30 \text{ l} + 20 \text{ l} + 10 \text{ l}$.

Cách làm: Ta lấy $30 + 20 = 50$, sau đó lấy $50 + 10 = 60$. Vậy: $30 \text{ l} + 20 \text{ l} + 10 \text{ l} = 60 \text{ l}$.

b. Phép trừ

- **Ví dụ 1:** Tính $28 \text{ l} - 12 \text{ l}$.

Cách làm: Ta lấy $28 - 12 = 16$. Vậy: $28 \text{ l} - 12 \text{ l} = 16 \text{ l}$.

- **Ví dụ 2:** Tính $50 \text{ l} - 10 \text{ l} - 5 \text{ l}$.

Cách làm: Ta lấy $50 - 10 = 40$, sau đó lấy $40 - 5 = 35$. Vậy: $50 \text{ l} - 10 \text{ l} - 5 \text{ l} = 35 \text{ l}$.

Dạng 4: Giải bài toán có lời văn

Đây là dạng bài tập ứng dụng kiến thức về lít vào các tình huống thực tế. Các em cần đọc kỹ đề bài để xác định đúng phép tính cần thực hiện.

Các bước giải:

1. **Bước 1:** Đọc kỹ đề bài để hiểu yêu cầu.
 2. **Bước 2:** Tóm tắt đề bài (xác định cái đã cho và cái cần tìm).
 3. **Bước 3:** Lựa chọn phép tính phù hợp (cộng, trừ). Dấu hiệu: "tất cả", "cả hai", "tổng cộng" thường dùng phép cộng; "còn lại", "ít hơn", "nhiều hơn" thường dùng phép trừ.
 4. **Bước 4:** Trình bày bài giải gồm: câu lời giải, phép tính và đáp số.
- **Ví dụ 1:** Can thứ nhất đựng 18 l dầu, can thứ hai đựng nhiều hơn can thứ nhất 5 l dầu. Hỏi can thứ hai đựng bao nhiêu lít dầu?

Tóm tắt:

Can thứ nhất: 18 l

Can thứ hai nhiều hơn: 5 l

Can thứ hai: ... l?

Bài giải:

Số lít dầu can thứ hai đựng là:

$$18 + 5 = 23 \text{ (l)}$$

Đáp số: 23 l dầu.

- **Ví dụ 2:** Thùng nước mắm có 45 l. Buổi sáng cửa hàng bán được 15 l, buổi chiều bán được 10 l. Hỏi trong thùng còn lại bao nhiêu lít nước mắm?

Tóm tắt:

Có: 45 l

Bán sáng: 15 l

Bán chiều: 10 l

Còn lại: ... l?

Bài giải:

Số lít nước mắm cửa hàng đã bán là:

$$15 + 10 = 25 \text{ (l)}$$

Số lít nước mắm còn lại trong thùng là:

$$45 - 25 = 20 \text{ (l)}$$

Đáp số: 20 l nước mắm.

- **Ví dụ 3:** Một bình nước chứa 10 l. Sau khi dùng, lượng nước giảm đi một nửa. Hỏi trong bình còn lại bao nhiêu lít nước?

Tóm tắt:

Có: 10 l

Dùng: một nửa (chia 2)

Còn lại: ... l?

Bài giải:

Số lít nước đã dùng là:

$$10 : 2 = 5 \text{ (l)}$$

Số lít nước còn lại trong bình là:

$$10 - 5 = 5 \text{ (l)}$$

Đáp số: 5 l nước.

Chúc các em học tốt và nắm vững kiến thức về đơn vị Lít nhé!